

Bản án số: 156/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06-12-2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 219/2023/TB-TA ngày 15/11/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số A đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số A đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 16/02/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Lê Thị H trước khi kết hôn đã có thời gian tìm hiểu nhau. Sau đó, ông C, bà H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau và không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đồng thời, bà H còn có tình cảm với người khác. Sau khi ông C phát hiện thì đã tha thứ, khuyên bảo nhưng bà H không thay đổi tính tình. Hai bên gia đình

đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện nay, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, ông Nguyễn Mạnh C nhận thấy không còn tình cảm với bà Lê Thị H nên ông C yêu cầu xin ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Lê Thị H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 12/3/2011 và cháu Nguyễn Đắc Hùng A, sinh ngày 19/4/2013. Khi ly hôn, ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Q và Anh đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Nguyễn Mạnh C trình bày vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải, nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Mạnh C được ly hôn với bà Lê Thị H; giao 02 người con chung là Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 12/3/2011 và Nguyễn Đắc Hùng A, sinh ngày 19/4/2013 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Mạnh C có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Huế yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa ông và bà Lê Thị H có địa chỉ tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là bà Lê Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Lê Thị H trước khi kết hôn đã có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Mạnh C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị H. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng ông C và bà H thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không biết cảm thông, chia sẻ cho nhau nên vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm và chăm sóc cho nhau nữa. Vì vậy ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tổ chức hòa giải, nhưng bà H cố tình vắng mặt không có lý do. Đại diện chính quyền địa phương cho biết vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ khoảng một năm trở lại đây.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông C được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Ông C và bà H có 02 người con chung là Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 12/3/2011 và Nguyễn Đắc Hùng A, sinh ngày 19/4/2013. Ông C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Q và Anh đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Lê Thị H phải cấp dưỡng nuôi con. Do bà H cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc nên đã không thể hiện nguyện vọng của mình về vấn đề con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông C có nghề nghiệp là thợ điện, thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000 đồng. Tòa án đã tham khảo ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố N, phường A, thành phố H thì được biết bà H đã giao cả hai người con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu Q và Anh đều trình bày nếu cha, mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với cha.

Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai cháu Q và Anh cho ông C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của con khi cha mẹ ly hôn, nhưng ông C cho rằng hiện nay có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc ông C không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Nguyễn Mạnh C xác nhận vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh C được ly hôn bà Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 12/3/2011 và Nguyễn Đắc Hùng A, sinh ngày 19/4/2013 cho ông Nguyễn Mạnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại thời điểm xét xử, hai cháu Nguyễn Khánh Q và Nguyễn Đắc H1 Anh đang do ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Nguyễn Mạnh C xác nhận vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Mạnh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005595 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông Nguyễn Mạnh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND P. An Đông, TP. Huế
(ĐKKH số: 100 ngày 16/10/2010);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hạnh